

**CÔNG TY TNHH MTV KTCT
THỦY LỢI BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: / KTCTTL-KTKH

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 6 năm 2026

V/v báo cáo kết quả thực hiện công bố
công khai thông tin theo quy định tại
Nghị định số 47/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Sở tài chính tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận báo cáo Sở tài chính kết quả thực hiện công bố công khai thông tin năm 2025 và năm 2026 của Doanh nghiệp theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính Phủ như sau:

1. Các báo cáo đăng tải ngày kỳ này:
 - Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2025 (Biểu 3)
 - Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác năm 2025 (Biểu 4)
 - Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức năm 2025 (Biểu 6)
(Đính kèm các báo cáo trên theo công văn này)

2. Các báo cáo đã đăng tải tính đến thời điểm hiện tại:

Tên báo cáo	Năm 2025	Năm 2026	Hạn nộp
1. Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (Biểu 1)	✓	✓	31/03
2. Báo cáo mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm (Biểu 2)	✓	✓	31/03
3. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm (Biểu 3)	✓		30/6 năm liền sau
4. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (Biểu 4)	✓		30/6 năm liền sau
5. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng (Biểu 5)	✓		31/07
6. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm (Biểu 6)	✓		30/6 năm liền sau
7. Báo cáo tài chính giữa năm (06 tháng đầu năm)	✓		31/07
8. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán	✓		31/5 năm liền sau
Tổng số báo cáo đã đăng tải	8	2	

3. Hình thức công bố thông tin:

Công ty đã thực hiện đăng tải và công bố các báo trên trang thông tin điện tử công ty: <https://thuyloibinhthuan.vn/> và trên Cổng <https://business.gov.vn> của Cục Phát Triển Doanh Nghiệp thuộc Bộ Tài chính với tên tài khoản là 3400177494.

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận báo cáo Sở tài chính xem xét và tổng hợp./.

Nơi nhận

- Như trên;
- BGĐ Công ty;
- phòng KTKH (T.02b)
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Huệ

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 06 năm 2026

Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
(Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- + Tổng doanh thu: 189.218 triệu đồng, đạt 101,5% so với kế hoạch.
- + Lợi nhuận trước thuế: 7.944 triệu đồng, đạt 115,1% so với kế hoạch.
- + Lợi nhuận sau thuế: 6.127 triệu đồng, đạt 98,7% so với kế hoạch.
- + Tổng số phải nộp ngân sách: 5.277 triệu đồng, đạt 127,7% so với kế hoạch.
- + Tổng số đã nộp ngân sách: 6.509 triệu đồng, đạt 94% so với kế hoạch

2. Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước giao kế hoạch:

- + Sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 109.130,0954 ha, đạt 97,9% so với kế hoạch.
- + Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu: 302,6469 ha, đạt 112,2% so với kế hoạch.
- + Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu: 512.953 m³, đạt 75,2% so với kế hoạch.

3. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Thuận lợi:

Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở, ngành và địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Hệ thống công trình thủy lợi cơ bản vận hành ổn định, đáp ứng nhu cầu cấp nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

Đội ngũ người lao động có kinh nghiệm, trách nhiệm, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch được giao.

+ Khó khăn:

Đặc điểm công trình nằm rải rác trên địa bàn toàn tỉnh và xa khu dân cư, chủ yếu nằm ở vùng sâu, vùng xa với điều kiện kinh tế khó khăn; công trình chịu nhiều tác động bất lợi của tình hình thời tiết như bão lũ và hạn hán. Phần lớn các công trình chủ yếu là đất đá chưa được kiên cố hóa, công tác quản lý vận hành còn mang tính thủ công. Do vậy việc tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình hết sức phức tạp.

Sản lượng nước cung cấp cho các đối tượng sử dụng nước ngoài diện tích được hỗ trợ sản

phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi còn phụ thuộc vào nhu cầu thực tế của khách hàng và điều kiện trồng trọt của các hộ dân, dẫn đến một số chỉ tiêu dịch vụ thủy lợi tự thu chưa đạt kế hoạch đề ra.

Trong năm 2025 có nhiều văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, thông tư mới được ban hành và sửa đổi, bổ sung. Khối lượng văn bản lớn, thời gian triển khai ngắn nên Công ty gặp khó khăn trong việc cập nhật, nghiên cứu và tổ chức thực hiện kịp thời; do đó có thể phát sinh một số thiếu sót trong quá trình thực hiện, tuy nhiên không mang tính chất cố ý và Công ty luôn chủ động rà soát, khắc phục khi phát hiện.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (mục 7)				
b)	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu	m ³	40.813.278	45.457.999	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	186	189	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,9	7,9	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,2	6,1	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	7,3	6,5	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (Nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
7.1	Sản phẩm được hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	111.481,0955	109.130,0954	
7.2	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu	Ha	269,7000	303	
7.3	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu	m ³	681.740	512.953	
8	Tổng số lao động	Người	595	582	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	72,6	75,9	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,6	1	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	71	74,9	

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

Công ty không có đầu tư, thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công).

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 06 năm 2026

**Biểu số 4: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH
VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2025**

(Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ)

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
1.1	Sản phẩm được hỗ trợ dịch vụ công ích công ích thủy lợi	ha	111.481,0955	109.130,0954	97,9%
1.2	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu	ha	269,7000	303	112,2%
1.3	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu	m ³	681.740	512.953	75,2%
2	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Triệu đồng	138.320	138.244	99,9%
3	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Triệu đồng	141.763	137.179	96,8%

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Công ty thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình quản lý, vận hành và khai thác các công trình thủy lợi. Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng công trình nhằm đảm bảo an toàn công trình, sử dụng hiệu quả nguồn nước, góp phần bảo vệ tài nguyên nước và môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.

Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phục vụ sản

xuất nông nghiệp, dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ cộng đồng theo khả năng và điều kiện thực tế của doanh nghiệp.

3. Trách nhiệm với nhà cung cấp.

Công ty thực hiện việc lựa chọn nhà cung cấp, nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật và quy chế nội bộ; đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng trong quá trình hợp tác. Các nghĩa vụ thanh toán được thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.

Công ty thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành công trình thủy lợi, đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất và dân sinh theo kế hoạch; thường xuyên kiểm tra, giám sát an toàn công trình, góp phần bảo đảm chất lượng dịch vụ và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp.

Công ty thực hiện quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước đúng quy định, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, công khai, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

Đối với người lao động, Công ty bảo đảm việc làm, thu nhập và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật; tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cải thiện điều kiện làm việc và bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 6 năm 2026

BIỂU SỐ 6
BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2025
(Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin chung.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng
Từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025:

Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu:

+ Ông Đoàn Anh Dũng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đến 28/02/2025

+ Ông Đỗ Hữu Huy: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận từ 01/03/2025

+ Ông Phan Văn Đăng: Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Nguyễn Minh: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Nguyễn Hồng Hải: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận.

Từ ngày 01/07/2025 đến 31/12/2025:

+ Ông Trần Hồng Thái: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm đồng từ 01/7/2025 đến 31/10/2025

+ Ông Hồ Văn Mười: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm đồng từ 01/11/2025

+ Ông Lê Trọng Yên: Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Lâm đồng

+ Ông Nguyễn Minh: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm đồng.

+ Ông Nguyễn Hồng Hải: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm đồng.

+ Ông Đinh Văn Tuấn: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm đồng.

+ Ông Võ Ngọc Hiệp: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm đồng

+ Ông Nguyễn Ngọc Phúc: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Thống kê các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Bảng số 1.

BẢNG SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ

HỮU

Số TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	Quyết định số 90/QĐ-UBND	16/01/2025	Quyết định về việc lựa chọn phương thức đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và ủy quyền thực hiện đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh năm 2025
2	Quyết định số 96/QĐ-UBND	17/01/2025	Quyết định về việc xếp hạng Doanh nghiệp nhà nước năm 2025
3	Quyết định số 179/QĐ-UBND	24/01/2025	Quyết định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025
4	Quyết định số 220/QĐ-UBND	05/02/2025	Quyết định quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh năm 2025
5	Quyết định số 462/QĐ-UBND	11/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh diện tích được hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025
6	Quyết định số 457/QĐ-UBND	10/03/2025	Quyết định về việc điều chỉnh dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024
7	Quyết định số 532/QĐ-UBND	21/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2025
8	Quyết định số 535/QĐ-UBND	21/03/2025	Quyết định về việc hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025
9	Quyết định số 600/QĐ-UBND	31/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Người lao động, người quản lý, kiểm soát viên Công ty
10	Quyết định số 638/QĐ-UBND	09/04/2025	Quyết định phê duyệt phương án đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025
11	Quyết định số 2083/QĐ-UBND	12/11/2025	Quyết định về việc phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025.
12	Quyết định số 2467/QĐ-UBND	08/12/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh diện tích được hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025
13	Quyết định số 2453/QĐ-UBND	05/12/2025	Quyết định phê duyệt diện tích được hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Danh sách người quản lý doanh nghiệp: liệt kê thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

BẢNG SỐ 2: DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
1	Nguyễn Hữu Ba	1964	Cử nhân Kinh tế		- Giám đốc Sở tài chính. - Chủ tịch Công ty từ ngày 26/9/2023 đến nay.
2	Nguyễn Hữu Huệ	1973	Thạc sỹ thủy lợi	24 năm kinh nghiệm	- Phó trạm QLĐM&KC hồ Cà giây, Trưởng trạm Hồ Cà giây, Phó giám đốc chi nhánh Bắc Bình, Phó giám đốc chi Hàm Thuận Bắc; Phó Tổng giám đốc

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
					công ty từ 01/11/2018, Phó Tổng giám đốc phụ trách Công ty từ tháng 7/2019, Phó Tổng giám đốc phụ trách Công ty từ tháng 01/2020. - Tổng giám đốc Công ty từ ngày 27/5/2021. - Giao quyền Chủ tịch Công ty từ 08/12/2021 đến 25/9/2023. - Hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty.
3	Trương Thị Bích Vân	1976	Cử nhân kế toán	13 năm kinh nghiệm	- Nhân viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch từ tháng 6/2010 – 8/2020, Phó trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch từ 05/8/2020 - 30/11/2021. - Kiểm soát viên Công ty từ ngày 01/12/2021 đến nay.
4	Nguyễn Hữu Tuấn	1972	Thạc sỹ công trình thủy	24 năm kinh nghiệm	- Phó phòng kỹ thuật từ 03/2003 – 04/2006, Trưởng phòng kỹ thuật từ 04/2006 – 06/2014. - Phó Tổng giám đốc Công ty từ 01/7/2014 đến nay.
5	Hồ Đắc Nghĩa	1978	Thạc sỹ thủy lợi	19 năm kinh nghiệm	- Cán bộ kỹ thuật chi nhánh La Ngà từ 12/2004 – 9/2006, Phó phòng kỹ thuật chi nhánh La Ngà từ 10/2006 – 12/2007, Phó giám đốc chi nhánh La Ngà từ 01/2008 – 5/2014, Quyền giám đốc chi nhánh La Ngà từ 6/2014 – 10/2014, Giám đốc chi nhánh La Ngà từ 11/2014 – 02/2022. - Phó Tổng giám đốc từ 03/2022 đến nay.
6	Nguyễn Đức Thành	1970	Thạc sỹ kinh tế	23 năm kinh nghiệm	- Phó phòng Tài vụ từ 5/2005 – 9/2007, Trưởng phòng kinh tế kế hoạch. - Kế toán trưởng Công ty từ ngày 10/2007 đến nay.

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của từng người quản lý doanh nghiệp theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương	Hệ số	Tiền lương	Thưởng, thu nhập khác
1	Nguyễn Hữu Ba	Chủ tịch	72.000.000		288.000.000	
2	Nguyễn Hữu Huệ	Tổng giám đốc	32.423.108	5,85	389.077.300	
3	Trương Thị Bích Vân	Kiểm soát viên	60.000.000		720.000.000	

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương	Hệ số	Tiền lương	Thưởng, thu nhập khác
4	Nguyễn Hữu Tuấn	Phó tổng giám đốc	31.168.733	5,69	376.040.800	
5	Hồ Đắc Nghĩa	Phó tổng giám đốc	30.989.743	5,28	350.021.300	
6	Nguyễn Anh Khoa	Phó tổng giám đốc	30.989.743	5,28	350.021.300	
7	Nguyễn Đức Thành	Kế toán trưởng	30.576.738	5,76	366.920.857	

3. Hoạt động của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đầu thầu, mua sắm tài sản... theo Bảng số 4.

BẢNG SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	Quyết định số 01/QĐ-KTCTTL	03/01/2025	Chủ tịch Công ty	Quyết định ban hành bảng lương của người quản lý, kiểm soát viên chuyên trách Công ty
2	Quyết định số 02/QĐ-KTCTTL	03/01/2025	Chủ tịch Công ty	Quyết định ban hành hệ thống thang lương, bảng lương phụ cấp lương của người lao động Công ty
3	Quyết định số 04/QĐ-KTCTTL	12/03/2025	Chủ tịch Công ty	Quyết định ban hành quy định chế độ trình tự thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa đột xuất tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
4	Quyết định số 12/QĐ-KTCTTL	15/04/2025	Chủ tịch Công ty	Quyết định ban hành quy chế quản lý sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thương tỵ Công ty
5	Quyết định số 13/QĐ-KTCTTL	15/04/2025	Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty
6	Quyết định số 15/QĐ-KTCTTL	29/04/2025	Chủ tịch Công ty	Quyết định điều chỉnh bổ sung thang bảng lương của Ban điều hành tại Công ty.
7	Quyết định số 24/QĐ-KTCTTL	26/06/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2025.
8	Quyết định số 28/QĐ-KTCTTL	29/08/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc đồng ý để cán bộ đi nước ngoài việc riêng
9	Quyết định số 34/QĐ-KTCTTL	29/10/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc ban hành quy chế thi đua khen thưởng tại Công ty
10	Quyết định số 35/QĐ-KTCTTL	11/11/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý sử dụng tài sản tại Công ty
11	Quyết định số 38/QĐ-KTCTTL	25/11/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý sử dụng và khai thác tài sản kết

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
				cầu hạ tầng tại Công ty.
12	Quyết định số 39/QĐ-KTCTTL	25/11/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định ban hành quy chế tuyển dụng lao động của Công ty
13	Quyết định số 41/QĐ-KTCTTL	18/12/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định và việc ban hành quy chế trả lương cho người lao động tại Công ty
14	Quyết định số 42/QĐ-KTCTTL	18/12/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc ban hành hệ thống thang lương bảng lương phụ cấp lương của Công ty
15	Quyết định số 43/QĐ-KTCTTL	18/12/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch các Chi nhánh, Phòng, Trạm trực thuộc Công ty giai đoạn 2022-2026
16	Quyết định số 45/QĐ-KTCTTL	23/12/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc xếp lương đối với Tổng Giám đốc Công ty
17	Quyết định số 46/QĐ-KTCTTL	23/12/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc xếp lương đối với Phó Tổng Giám đốc Công ty
18	Quyết định số 47/QĐ-KTCTTL	23/12/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc xếp lương đối với Phó Tổng Giám đốc Công ty
19	Quyết định số 48/QĐ-KTCTTL	23/12/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc xếp lương đối với Phó Tổng Giám đốc Công ty
20	Quyết định số 49/QĐ-KTCTTL	23/12/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc xếp lương đối với Kế toán trưởng Công ty
21	Quyết định số 52/QĐ-KTCTTL	31/12/2025	Quyền Chủ tịch Công ty	Quyết định về việc ban hành quy chế xếp lương và chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch Công ty, kiểm soát viên chuyên trách Công ty.

III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Thông tin về Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

BẢNG SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trương Thị Bích Vân	1976	Cử nhân kế toán	Kiểm soát viên	từ ngày 01/12/2021 đến nay	

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

Số TT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày	Nội dung
1	01/BC-KSV	6/01/2025	Báo cáo tình hình thực hiện công tác năm 2024, đề xuất xây dựng kế hoạch công tác năm 2025 của kiểm soát viên Công ty
2	02/CV-KSV	6/01/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch công tác năm 2025 của kiểm soát viên
3	04/BC-KSV	26/3/2025	Báo cáo kiểm tra, kiểm soát tình hình công nợ phải thu phải trả đến 31/12/2024 của Công ty

Số TT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày	Nội dung
4	05/CV-KSV	26/3/2025	Về việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2024
5	06/CV-KSV	14/4/2025	Về việc báo cáo quyết toán và phân phối quỹ tiền lương thực hiện còn lại năm 2024 sau khi được UBND tỉnh phê duyệt
6	07/BC-KSV	19/5/2025	Báo cáo giám sát việc phân phối quỹ tiền lương còn lại năm 2024 sau khi được UBND tỉnh phê duyệt
7	08/BC-KSV	26/5/2025	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính quý 1/2025 của Công ty
8	09/BC-KSV	27/5/2025	Báo cáo kiểm tra, kiểm soát tình hình công nợ phải thu phải trả đến quý 1/2025 của Công ty
9	10/CV-KSV	29/5/2025	Về việc thẩm định hồ sơ quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 Chi nhánh Hàm Thuận Nam và Chi nhánh La Ngà
10	11/BC-KSV	18/6/2025	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty
11	12/BC-KSV	18/6/2025	Báo cáo về việc thẩm định hồ sơ quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 tại Chi nhánh Hàm Thuận Nam và Chi nhánh La Ngà.
12	13/CV-KSV	17/7/2025	Báo cáo tình hình thực hiện tiền lương của người lao động 6 tháng năm 2025
13	15/CV-KSV	12/8/2025	Báo cáo tình hình thực hiện tiền lương của người lao động 6 tháng năm 2025 tại các Chi nhánh.
14	16/BC-KSV	25/8/2025	Báo cáo thẩm định báo cáo tình hình thực hiện tiền lương của người lao động, Ban điều hành, Chủ tịch Công ty, kiểm soát viên Công ty 6 tháng năm 2025
15	17/BC-KSV	26/8/2025	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty
16	18/BC-KSV	27/8/2025	Báo cáo kiểm tra, kiểm soát tình hình công nợ phải thu phải trả đến quý 2/2025 của Công ty
17	19/BC-KSV	12/9/2025	Báo cáo giám sát tình hình hoạt động 6 tháng /2025 tại các Chi nhánh thuộc Công ty.
18	20/BC-KSV	28/10/2025	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính 9 tháng năm 2025 tại Công ty.
19	21/BC-KSV	28/10/2025	Báo cáo kiểm tra, kiểm soát tình hình công nợ phải thu phải trả đến quý 3/2025 của Công ty
20	22/CV-KSV	4/11/2025	Góp ý dự thảo quy chế quản lý tài sản tại Công ty
21	24/BC-KSV	22/12/2025	Báo cáo về việc kiểm tra hồ sơ về tình hình tu sửa thường xuyên năm 2025 tại Công ty.
22	25/BC-KSV	25/12/2025	Báo cáo giám sát công tác quản lý, điều hành của Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc Công ty.

IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA (nếu có)

Năm 2025, Công ty không bị thanh tra kiểm tra

V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách Người có liên quan của doanh nghiệp.

BẢNG SỐ 6: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan
GIAO DỊCH CẤP NƯỚC CÔNG ÍCH TỰ THU						
I	CN BẮC BÌNH					
1	Công Ty TNHH Khoáng Sản Rạng Đông	Trần Công Hải	Km09 Quốc Lộ 28B, xã Lương Sơn, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Km09 Quốc Lộ 28B, xã Lương Sơn, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam)			
		(Tổng giám đốc)				
2	Trung Tâm Khuyến nông tỉnh Lâm Đồng	Nguyễn Văn Chương	Phan Thanh, Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Tầng 4 khu B, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng, phường Xuân Hương-Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam)			
		(Giám đốc)				
3	Công Ty Cổ phần Sữa Thông Thuận	Nguyễn Văn Phú	Thôn Tân Bình, xã Lương Sơn, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Thôn Tân Bình, xã Lương Sơn, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam)			
		(Giám đốc)				
4	Công Ty TNHH Lâm Sản Đại Tồng	Phan Quang Vũ	110/2 Tân Hòa Đông nối dài, Phường Thới An, TP HCM			
		(Phó giám đốc)				
5	Công Ty TNHH Châu Giang Hưng Yên	Trần Thị Hương	Thôn An Bình, xã Hải Ninh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Thôn An Bình, xã Hải Ninh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam)			
		(Giám đốc)				
6	Công ty THHH Chăn nuôi Nguyễn Thu Hiền	Cao Trung Hiếu	Khu Đá Lồng, xã Phan Sơn, tỉnh Bình Thuận (Khu Đá Lồng, xã Phan Sơn, tỉnh Lâm Đồng)			
		(Giám đốc)				
7	Nguyễn Thành Dũng	Hộ gia đình	Phước Hội, KP4, Thị xã La Gi (Phước Hội, KP4, Phường La Gi, Lâm Đồng)			
II	CN TUY PHONG					
8	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Giống Nông Nghiệp TMDV Phúc Thuận	Nguyễn Thị Hồng	Thôn 1, xã Phong Phú, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Thôn 1, xã Phong Phú, Tuy Phong, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam)			
		(Phó giám đốc)				
9	Công ty TNHH Thông Thuận	Trương Hữu Phiếu	Thôn Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Thôn Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam)			
		(Phó giám đốc)				
III	CN HÀM THUẬN BẮC					
10	Trung Tâm giống nông nghiệp Bình Thuận-Trại giống lúa Ma Lâm	Trần Vũ Phương	Km18, QL28, Thị trấn Ma Lâm, Hàm Thuận Bắc (Tầng 4 khu B, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng, phường Xuân Hương-Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam)			
		(Giám đốc)				

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan
IV	CN HÀM THUẬN NAM					
11	Công ty TNHH Vina Hsin Gon	Chang Hsin Pang (Giám đốc)	Xã Hàm Minh, Hàm Thuận Nam, Bình Thuận (Xã Hàm Minh, Hàm Thuận Nam, Lâm Đồng)			
12	Công Ty TNHH Thiên Minh	Võ Đại Hùng (Giám đốc)	Thôn Phú Sung, xã Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Thôn Phú Sung, xã Hàm Cường, Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam)			
13	Công ty TNHH Thanh long Hoàng Hậu	Trần Ngọc Hiệp (Giám đốc)	Xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận (Xã Hàm Mỹ, Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận)			
14	Công ty TNHH Lâm Viên Phan Thiết	Phan Thị Na (Giám đốc)	Thôn Dân Bình, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận (Thôn Dân Bình, xã Hàm Kiệm, Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng)			
15	Công ty TNHH Đầu Tư An Hợp Phát	Trần Thị Minh (Giám đốc)	Tổ 27, Khu phố C, P Thanh Hải, Tp Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Khu phố C, P Phú Thủy, Lâm Đồng, Việt Nam)			
V	CN LAGI- HÀM TÂN					
16	Nguyễn Thị Ánh Nhi	Nguyễn Thị Ánh Nhi (Chủ ao nuôi thủy sản)	Thôn Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Thôn Tam Tân, xã Tân Hải, tỉnh Lâm đồng)			
17	Công ty TNHH Nam Xuân	Trần Thị Tuyết Mai (Giám đốc)	Thôn Đông Hòa, xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Thôn Đông Hòa, xã Hàm Tân, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam)			
18	Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà	Võ Đại Hùng (Giám đốc)	Thôn Đông Thuận, Quốc Lộ 55, xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Thôn Đông Thuận, Quốc Lộ 55, xã Hàm Tân, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam)			
19	Công ty CPDP Thiên Dược	Nguyễn Văn Đại (Tổng giám đốc)	Lô F3, Đường N5, KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TP Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam (Lô F3, Đường N5, KCN Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh Việt Nam)			
20	Chi nhánh Công ty TNHH Chăn nuôi Tân Tiến Phát	Nguyễn Xuân Tường (Giám đốc)	Xã Tân Lập, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Xã Tân Lập, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam)			

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan
GIAO DỊCH CẤP NƯỚC THÔ						
1	Ban QL CTCC lưu vực Tuy Phong	Lưu Minh Quang (Giám đốc)	Khu phố 1, Thị trấn Liên Hương, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận (cũ) Địa chỉ mới: Hải Thượng Lãn Ông, xã Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng.			
2	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	Lý Xuân Hùng (Giám đốc)	A6-A7 Khu dân cư kênh Bàu, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận (cũ) Địa chỉ mới: A6-A7 KDC Kênh Bàu, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.			
3	Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	Nguyễn Nhật Khánh (Giám đốc)	Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (cũ) Địa chỉ mới: Số 137 Lê Hồng Phong, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.			
4	Công ty CP Nước và MT Đông Hải	Nguyễn Ngọc Nhân (P. Giám đốc)	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận (cũ) Địa chỉ mới: Số 137 Lê Hồng Phong, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.			
5	Công ty Nhiệt Điện Vĩnh Tân	Thiên Thanh Sơn (Giám đốc)	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, T. Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, Bình Thuận (cũ) Địa chỉ mới: Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.			
6	Công Ty TNHH Khoáng Sản Rạng Đông	Trần Công Hải (Tổng Giám đốc)	Km 09 Quốc Lộ 28B, Xã Sông Bình, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận (cũ) Địa chỉ mới: Km 09 Quốc lộ 28B, xã Lương Sơn, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.			
7	Nhà Máy Nước Tân Tiến - CN Công ty CP Địa Ốc V.S.G	Chu Quang Vinh (Giám đốc)	Thôn Hiệp Cường, Xã Tân Tiến, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (cũ) Địa chỉ mới: Thôn Hiệp Cường, xã Tân Hải, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.			
8	TTNS Và VSMT NT Bình Thuận	Trần Văn Liêm (Giám đốc)	Số 61 Cao Thắng, Phường Bình Hưng, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận (cũ) Địa chỉ mới: 17 Thủ Khoa Huân, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng.			

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan
9	Công ty TNHH MK Sugar Việt Nam	Trần Đăng Minh Khoa (Tổng giám đốc)	Khu phố Lâm Giáo, Thị trấn Ma Lâm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (cũ) Địa chỉ mới: 85, đường Nguyễn Văn Cừ, Thôn Lâm Giáo, Xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng			
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Long Sơn	Nguyễn Thiện Minh (Tổng giám đốc)	J45 Tôn Đức Thắng, Phường Xuân An, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (cũ) Địa chỉ mới: J45 Tôn Đức Thắng, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.			
GIAO DỊCH CẤP NƯỚC CÔNG ÍCH DO NGÂN SÁCH CẤP						
1	Sở Nông nghiệp và môi trường Bình Thuận	Cao Sơn Dũng (Giám đốc)	13-15 Nguyễn Tất Thành, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	01/01/2025	28/10/2025	gộp tỉnh
	Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Lâm Đồng	Phan Nguyễn Hoàng Tân (Giám đốc)	36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	28/10/2025	31/12/2025	
GIAO DỊCH XÂY LẮP						
1	Công ty TNHH xây lắp Thọ Tấn	Nguyễn Hữu Thọ (Giám đốc)	26 Nguyễn Thượng Hiền, Võ Xu, Đức Linh, Bình Thuận			
2	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hà Minh	Phạm Minh Hà	L2-12 Khu TĐC Đông Xuân An, Khu phố 6, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	10/03/2015		
3	Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ vận tải Bách Khương	Lê Tứ Khương	492/8 Khu phố Lâm Giáo, Thị trấn Ma Lâm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận	17/02/2017		
4	Công ty TNHH tổng hợp Liên Sơn	Lê Văn Lâm (Giám đốc)	Lô A2/6 - Khu Bến Lội, Lại An, Thôn Thắng Thuận, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận			
5	Công ty TNHH TM-DV Tiến Lộc	Nguyễn Đức Hạnh (Giám đốc)	F6 Lê Đại Hành, Phường Phú Hải, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận			
6	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG					
7	Công ty cổ phần Sông Hồng Sài Gòn					
8	Công ty cổ phần năng lượng Song Thành					
9	Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Quốc Phú					

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan
10	CNMT-CT TNHH Tư vấn trường ĐH Thủy lợi	Nguyễn Bá Chính (Giám đốc)	Số 115 Trần Phú, phường Phú Hà, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận			
			Địa chỉ mới: Số 115 Trần Phú, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.			
11	Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Thành Công	Nguyễn Ngọc Đường (Giám đốc)	Số 30 Đường Nguyễn Quý Cảnh, Khu Phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh			
12	Công ty CP tư vấn và QLDA Việt Long	Nguyễn Trọng Ngọc (Giám đốc)	Số 19, Khu phố lâm Giáo, Thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận			
			Địa chỉ mới: số 164 Nguyễn Thị Minh Khai, thôn Lâm Giáo, Xã Hàm Thuận, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam			
13	Công ty TNHH Đại Thời Thuận	Nguyễn Lê Thảo Nguyên (Giám đốc)	05/7 Võ Văn Dũng, khu phố 4 - Thanh Hải, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng			
14	Công ty TNHH Đầu tư phát triển quốc tế Toàn Thắng	Trần Minh Nghĩa (Giám đốc)	Số 17 Đường 49 Khu Dân Cư Nam Long, Phường Phước Long, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam			
15	Công ty TNHH Địa chất và Môi trường Bình Thuận	Võ Hoàng Thắng (Giám đốc)	Thôn Thắng Hòa, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận			
			Địa chỉ mới: Thôn Thắng Hòa, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.			
16	Công ty TNHH Sam BT	Nguyễn Bích Ngọc (Giám đốc)	số 09 Lương Thế Vinh, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam			
17	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng tổng hợp Phương Việt	Hoàng Ngọc Minh (Giám đốc)	J10 KDC Đông Xuân An, phường Xuân An, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận			
			Địa chỉ mới: 45 Phan Văn Trị, Phường Hàm Thắng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.			
18	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Lâm Đồng	Nguyễn Hoàng Bảo Tâm (Giám đốc)	230 Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, Lâm Đồng			
19	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng	Nguyễn Thị Lan Anh (Giám đốc)	Số 36 Trần Phú, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng - tầng 4)			
20	Viện Công nghệ Tài nguyên nước và Môi trường	Vũ Thị Hoài Thu (Giám đốc)	Số 34 đường D2, khu phố 18, Phường Long Trường, TP. Hồ Chí Minh			

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

BẢNG SỐ 7: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
GIAO DỊCH CẤP NƯỚC CÔNG ÍCH TỰ THU					
I	CN BẮC BÌNH			249.243.800	
1	Công Ty TNHH Khoáng Sản Rạng Đông	HĐ số: 05/HĐCNTC-2025	Hợp đồng cấp nước tưới cây	55.440.000	
		02/01/2025			
2	Trung Tâm Khuyến nông tỉnh Lâm Đồng	04/HĐTĐX-BB	Hợp đồng cấp nước tưới cây lúa	17.748.000	
		03/01/2025			
3	Công Ty Cổ phần Sữa Thông Thuận	03/HĐTĐX-BB	Hợp đồng cấp nước tưới cây lúa	87.423.000	
		03/01/2025			
4	Công Ty TNHH Lâm Sản Đại Tồng	01/HĐTĐX-BB	Hợp đồng cấp nước tưới cây lúa	40.544.000	
		06/01/2025	Hợp đồng cấp nước tưới cây ăn quả	30.408.000	
5	Công Ty TNHH Châu Giang Hưng Yên	02/HĐTĐX-BB	Hợp đồng cấp nước tưới cây màu	3.040.800	
		03/02/2025			
6	Công ty THHH Chăn nuôi Nguyễn Thu Hiền	10/HĐCNTT-2025	Hợp đồng cấp nước chăn nuôi	3.240.000	
		12/08/2025			
7	Nguyễn Thành Dũng	06/HĐCNNTTS-CNBB	Hợp đồng cấp nước Nuôi trồng thủy sản	11.400.000	
		02/01/2025			
II	CN TUY PHONG			67.568.000	
8	Công Ty Cổ phần Sản Xuất Giống Nông Nghiệp TMDV Phúc Thuận	07/HĐTĐX.TT-CNTP	Hợp đồng cấp nước tưới cây màu	5.068.000	
		20/01/2025			

TT	Tên tổ chức,cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
9	Công ty TNHH Thông Thuận	10/HĐCNTSTT-CNTP	Hợp đồng cấp nước Nuôi trồng thủy sản	62.500.000	
		30/06/2025			
III	CN HÀM THUẬN BẮC			46.979.844	
10	Trung Tâm giống nông nghiệp Bình Thuận-Trại giống lúa Ma Lâm	01/HĐTĐX.TT-CNHTB;01/HĐTHT-HTB;01/HĐTM.TT-HTB	Hợp đồng cấp nước tưới cây lúa	46.979.844	
		15/01/2025;02/06/2025;01/10/2025			
IV	CN HÀM THUẬN NAM			259.426.080	
11	Công ty TNHH Vina Hsin Gon	03/HĐT-HTN-2025	Hợp đồng cấp nước tưới cây	118.769.280	
		06/02/2025			
12	Công Ty TNHH Thiên Minh	05/HĐCN-HTN;06/HĐCN-HTN	Hợp đồng cấp nước chăn nuôi	26.467.200	
		02/07/2024;30/06/2025			
13	Công ty TNHH Thanh long Hoàng Hậu	02/HĐTTL-HTN	Hợp đồng cấp nước tưới cây thanh long	91.224.000	
		06/02/2025			
14	Công ty TNHH Lâm Viên Phan Thiết	01/HĐTTL-HTN-2025	Hợp đồng cấp nước tưới cây	9.465.600	
		06/02/2025			
15	Công ty TNHH Đầu Tư An Hợp Phát	04/HĐCNTH-HTN		13.500.000	
		06/03/2025			
V	CN LAGI-HÀM TÂN			208.430.760	
16	Nguyễn Thị Ánh Nhi	05/HĐCNNTTS-CNLG	Hợp đồng cấp nước Nuôi trồng thủy sản	11.980.920	
		02/01/2025			
17	Công ty TNHH Nam Xuân	02/HĐCNCN-CNLG	Hợp đồng cấp nước chăn nuôi	116.156.700	
		02/01/2025			
18	Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà	01/HĐCNCN-CNLG	Hợp đồng cấp nước chăn nuôi	68.319.900	
		02/01/2025			

TT	Tên tổ chức,cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
19	Công ty CPDP Thiên Dược	03/HĐCNTC-CNLG	Hợp đồng cấp nước tưới cây	3.873.240	
		02/01/2025			
20	Chi nhánh Công ty TNHH Chăn nuôi Tân Tiến Phát	04/HĐCNCN-CNLG	Hợp đồng cấp nước chăn nuôi	8.100.000	
		02/01/2025			
CÁC GIAO DỊCH CUNG CẤP NƯỚC THÔ					
1	Ban QL CT CC huyện Tuy Phong		Hợp đồng cung cấp nước thô		
1.1		HĐ số: 03/HĐCNT-2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Tuy Phong	8.977.500.000	
		02/01/2025			
1.2		HĐ số: 04/HĐCNT-2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Phan Dũng	89.302.500	
		02/01/2025			
1.3		HĐ số: 02/HĐCNT-2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Vĩnh Hảo	907.200.000	
		02/01/2025			
2	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	HĐ số: 20/HĐCNT-2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Cà Giang	10.692.675.000	
		02/01/2025			
3	Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận		Hợp đồng cung cấp nước thô		
3.1		HĐ số: 21/HĐCNT-2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho chi nhánh Cấp nước Phan Thiết	7.824.600.000	
		26/12/2024			
3.2		HĐ số: 29/HĐCNT-2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho chi nhánh Cấp nước Lagi	2.055.375.000	
		26/12/2024			

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
3.3		HĐ số: 05/HĐCNT-2025 ngày 26/12/2024	Hợp đồng cung cấp nước thô cho chi nhánh Cấp nước Bắc Bình	340.200.000	
4	Công ty CP Nước và MT Đông Hải	HĐ số: 29/HĐCNT-2025 ngày 10/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Sông Phan	255.150.000	
5	Công ty Nhiệt Điện Vĩnh Tân	HĐ số: 01/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	1.848.420.000	
6	Công Ty TNHH Khoáng Sản Rạng Đông	HĐ số: 09/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho Mô đá Núi Dây	11.340.000	
7	Nhà máy Nước Tân Tiến - CN Công ty CP Địa ốc V.S.G	HĐ số: 28/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Tân Tiến	4.656.487.500	
8	TTNS Và VSMT NT Bình Thuận		Hợp đồng cung cấp nước thô		
8.1		HĐ số: 16/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Đông Tiến	127.622.250	
8.2		HĐ số: 17/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Hàm Thuận Bắc	3.331.975.500	
8.3		HĐ số: 26/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Tân Xuân - Tân Nghĩa	1.552.162.500	

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
8.4		HĐ số: 27/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Tân Thắng	931.297.500	
8.5		HĐ số: 30/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Suối Kiết	165.564.000	
8.6		HĐ số: 23/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Thuận Nam	1.862.595.000	
8.7		HĐ số: 32/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Đức Bình	58.766.400	
8.8		HĐ số: 14/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Hồng Liêm	517.387.500	
8.9		HĐ số: 15/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Hồng Sơn	517.387.500	
8.10		HĐ số: 07/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Hồng Thái	170.100.000	
8.11		HĐ số: 19/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN La Dạ	413.910.000	
8.12		HĐ số: 22/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Ba Bàu - Mương Mán	473.204.025	

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
8.13		HĐ số: 25/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Sông Phan	68.040.000	
8.14		HĐ số: 31/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Măng Tố	268.366.770	
		HĐ số: 31A/HĐCNT-2025 (đợt 2) ngày 19/8/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho NMN Măng Tố		
9	Công ty TNHH MK Sugar Việt [Nam]	HĐ số: 18/HĐCNT-2024 ngày 04/11/2024	Hợp đồng cung cấp nước thô cho nhà máy đường (2024-2025)	132.678.000	
10	Công ty Cổ Phần Đầu tư Tổng hợp Long Sơn	HĐ số: 11/HĐCNT-2025 ngày 02/01/2025	Hợp đồng cung cấp nước thô cho Công ty Cổ phần Công ty Cổ Phần Đầu tư Tổng hợp Long Sơn	1.360.800.000	
GIAO DỊCH CẤP NƯỚC CÔNG ÍCH DO NGÂN SÁCH CẤP					
1	Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Lâm Đồng	HĐ 01/2025/HĐCCSPDV ngày 21/04/2025 Phụ lục 2414/2025/PLHĐCCSPDV Phụ lục 3054/2025/PLHĐCCSPDV	Hợp đồng đặt hàng cung cấp sản phẩm dv công ích thủy lợi 2025	136.347.357.000	QĐ 2162/QĐ-UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 18/05/2026
CÁC GIAO DỊCH XÂY LẬP					

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
1	Công ty TNHH Xây lắp Thợ Tán		Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
1.1		31/12/2025	Sửa chữa kênh chính Đông, kênh chính Tây, đập Sông Cát	166.420.159	3117/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
1.2		31/12/2025	Sửa chữa cửa vào, cửa ra các cống tiêu tại K18+715, K19+155, K21+722, K23+102, K25+878, K26+321, K29+685, K31+448 trên kênh chính Bắc và các cống tiêu tại K24+848, K25+762, K26+290, K30+312 trên kênh chính Nam, hệ thống thủy lợi Tà Pao	226.460.677	3113/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
1.3		31/12/2025	Sửa chữa cửa vào, cửa ra các cống tiêu tại K4+324, K5+415, K5+924, K6+650, K8+377, K15+762, K17+518, K10+900 trên kênh chính Bắc và các cống tiêu tại K3+035, K4+526, K5+350, K6+886, K9+196, K10+819, K11+428, K12+015, K12+908, K13+925, K15+995, K16+645, K17+475, K16+963 trên kênh chính Nam hệ thống thủy lợi Tà Pao	359.934.964	3112/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
1.4		31/12/2025	Sửa chữa kênh dẫn hạ lưu tràn xả lũ đập dâng Tà Pao	453.381.631	3127/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
1.5		31/12/2025	Sửa chữa kênh chính Bắc, cống tưới tiêu kết hợp tại K19+140 trên kênh chính Bắc, hệ thống thủy lợi Tà Pao	446.826.880	3111/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
1.6		31/12/2025	Sửa chữa kênh tiêu suối Lập Lài, cống tiêu vào kênh tiêu suối Lập Lài tại K1+550	708.437.177	3114/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
1.7		31/12/2025	Sửa chữa xi phông K7+820 đến K7+960 trên kênh chính Nam, hệ thống thủy lợi Tà Pao	773.498.647	3110/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
1.8		31/12/2025	Sửa chữa kênh N2, hệ thống thủy lợi Tà Pao	490.358.125	3109/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
1.9		31/12/2025	Sửa chữa kênh chính Nam đoạn K1+000 đến K1+466, K1+722 đến K2+250; cống tiêu vào kênh tại K1+000 và cống lấy nước tại K1+956 trên kênh chính Nam, hệ thống thủy lợi Tà Pao	896.499.762	3108/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
1.10		20/10/2025	Sửa chữa kênh chính Tây, kênh chính Đông, đập Đá Chồng	34.984.866	2359/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.11		20/10/2025	Sửa chữa kênh chính, trạm bơm Đồng Kho	48.134.504	2347/QĐ-KTCTTL ngày

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
					20/10/2025
1.12		20/10/2025	Sửa chữa kênh BN1, hệ thống thủy lợi Tà Pao	109.419.156	2352/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.13		20/10/2025	Sửa chữa kênh N2, kênh N8, trạm bơm Đức Tài	60.974.594	2357/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.14		20/10/2025	Sửa chữa thượng lưu đập Chu Lu	11.981.210	2356/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.15		20/10/2025	Sửa chữa kênh chính Tây, kênh chính Nam đập K'Ho	41.831.278	2358/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.16		20/10/2025	Sửa chữa các kênh N2, N4, N6, trạm bơm Sùng Nhon	59.717.214	2346/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.17		20/10/2025	Sửa chữa kênh N1, kênh N8, trạm bơm Võ Xu	9.184.760	2339/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.18		20/10/2025	Sửa chữa kênh tưới, tiêu kẹp theo kênh N10 và N12, trạm bơm Đa Kai	42.342.187	2354/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.19		20/10/2025	Sửa chữa kênh chính Nam đoạn từ K10+256 đến K12+015, hệ thống thủy lợi Tà Pao	296.576.131	2350/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.20		20/10/2025	Sửa chữa kênh chính đập Suối Trầu	23.940.545	2345/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.21		20/10/2025	Sửa chữa kênh chính, kênh N3, kênh N5, trạm bơm Lạc Tánh	88.017.091	2344/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.22		20/10/2025	Sửa chữa kênh N2, trạm bơm Gia An	20.484.490	2353/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.23		20/10/2025	Sửa chữa kênh chính Bắc, hệ thống thủy lợi Tà Pao	307.881.732	2348/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.24		20/10/2025	Sửa chữa kênh tiêu Hai Cô - Ba Thê, trạm bơm Bắc Ruộng	289.431.344	2341/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
1.25		20/10/2025	Sửa chữa kênh chính Bắc, kênh tiêu bên hông nhà trạm bơm Bắc Ruộng	460.675.682	2343/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
2	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hà Minh		Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
2.1		31/12/2025	Sửa chữa cửa lấy nước đập Hàm Càn và cống tiêu kết hợp tràn ra tại K4+589 trên kênh chính đập Hàm Càn	454.477.718	3138/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.2		31/12/2025	Sửa chữa kênh tiếp nước Suối Le, xã Tân Hải	171.634.416	3134/QĐ-KTCTTL ngày

TT	Tên tổ chức,cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐND/HĐQT/ĐHDCĐ thông qua
					31/12/2025
2.3		31/12/2025	Sửa chữa kênh chính đập Suối Đò, phường La Gi	308.081.054	3133/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.4		31/12/2025	Cắm mốc chỉ giới kênh N2 Đá Bạc đoạn từ K0+000 đến K1+950	66.526.707	3120/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.5		31/12/2025	Sửa chữa tràn xả lũ hồ Tà Mon, xã Tân Lập	218.316.359	3124/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.6		31/12/2025	Sửa chữa kênh chính hồ Tân Hà, xã Hàm Tân	444.333.849	3123/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.7		31/12/2025	Sửa chữa kênh C9, hồ Lòng Sông, xã Tuy Phong	456.265.601	3122/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.8		31/12/2025	Sửa chữa công trình đập Sông Linh	420.467.552	3121/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.9		15/12/2025	Sửa chữa kênh chính hồ Sông Phan	87.192.286	2871/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.10		31/12/2025	Sửa chữa kênh chính Tú Sơn	749.750.141	3105/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.11		15/12/2025	Sửa chữa kênh chính đập Cần Răng	742.386.104	2868/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.12		31/12/2025	Sửa chữa mái tả kênh chính đập Ủy Thay	870.720.449	3104/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.13		15/12/2025	Sửa chữa kênh chính đập Ma Ó	786.137.811	2864/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.14		20/10/2025	Sửa chữa mặt đập, rãnh thoát nước mái hạ lưu đập chính hồ Đu Đủ	182.733.915	2355/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
2.15		19/12/2025	Sửa kênh chính Hàm Cần, đập Hàm Cần	781.350.799	2952/QĐ-KTCTTL ngày 19/12/2025
2.16		19/12/2025	Sửa chữa kênh N8 Ba Bàu	793.483.481	2951/QĐ-KTCTTL ngày 19/12/2025
2.17		15/12/2025	Sửa chữa nhà Chi nhánh Tuy Phong	650.963.680	2879/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.18		15/12/2025	Sửa chữa cụm điều tiết Tà Mo -Mường Máng, hệ thống hồ Lòng Sông	479.980.246	2867/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.19		15/12/2025	Sửa chữa kênh N2, hồ Đá Bạc	837.642.133	2872/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.20		15/12/2025	Sửa chữa kênh chính Cây Cà, hồ Lòng Sông	243.435.482	2875/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025

TT	Tên tổ chức,cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
2.21		31/12/2025	Sửa chữa kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Đá Dung	196.486.335	3102/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.22		15/12/2025	Sửa chữa kênh chính và kênh tiếp nước hồ Núi Đất	198.497.104	2880/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.23		31/12/2025	Sửa chữa cống lấy nước đầu mối và kênh chính đập Cô Kiều	299.217.337	3094/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.24		15/12/2025	Sửa chữa kênh chính đập Suối Đót	836.780.485	2881/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.25		31/12/2025	Sửa chữa kênh tiếp nước hồ Sông Dinh 3 - đập Cô Kiều	633.016.014	3095/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.26		31/12/2025	Cắm mốc chi giới kênh chuyển nước hồ Tân Lập – hồ Tà Mon	340.701.924	3119/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.27		15/12/2025	Cắm mốc chi giới kênh tưới xã Vĩnh Tân đoạn K4+700 đến K6+375	58.435.103	2863/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.28		15/09/2025	Sửa chữa công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác hồ Đá Bạc	265.895.776	2059/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
2.29		15/09/2025	Sửa chữa cửa vào cống lấy nước đầu mối hồ Đá Bạc	40.680.308	2063/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
2.30		15/12/2025	Sửa chữa đoạn kênh dẫn hạ lưu cống lấy nước đầu kênh tiếp nước Lòng Sông - Đá Bạc	23.105.498	2870/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.31		31/12/2025	Sửa chữa các kênh Mương Ó, T8, N2, đập Tuy Tịnh	122.279.891	3091/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.32		15/12/2025	Sửa chữa các kênh C3, C05, C6, hồ Lòng Sông	156.648.133	2862/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.33		19/12/2025	Sửa chữa kênh chuyển nước hồ Sông Móng - hồ Đu Đủ - hồ Tân Lập	391.953.751	2954/QĐ-KTCTTL ngày 19/12/2025
2.34		31/12/2025	Sửa chữa kênh chính Bắc Ba Bàu	144.382.408	3103/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
2.35		19/12/2025	Sửa chữa các tuyến kênh cấp 1 (N2, N2 - Phú Sung, N10) thuộc kênh chính Đông, hồ Ba Bàu	275.452.209	2955/QĐ-KTCTTL ngày 19/12/2025
2.36		15/09/2025	Sửa chữa kênh tưới xã Vĩnh Tân đoạn từ K0+000 đến K4+477 và cống qua đường tại K2+463	435.454.811	2060/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
2.37		15/09/2025	Sửa chữa kênh chính Tây, kênh Tà Uông - Tà Cang, hồ Phan Dũng	37.262.350	2057/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
2.38		15/12/2025	Sửa chữa kênh chính Tuy Tịnh, hồ Lòng Sông	70.223.302	2882/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
2.39		22/08/2025	Sửa chữa kênh chính đập Suối Dứa	61.186.998	1952/QĐ-KTCTTL ngày 22/8/2025
2.40		22/08/2025	Sửa chữa kênh chính đập Láng Đá	32.840.941	1954/QĐ-KTCTTL ngày 22/8/2025
2.41		22/08/2025	Sửa chữa kênh tiếp nước Núi Đất - Tân Bình	90.444.949	1953/QĐ-KTCTTL ngày 22/8/2025
2.42		29/08/2025	Sửa chữa kênh chính Suối Le và kênh tiếp nước Suối Le	224.029.225	2003/QĐ-KTCTTL ngày 29/8/2025
2.43		22/08/2025	Sửa chữa kênh chính hồ Tân Hà	33.008.425	1955/QĐ-KTCTTL ngày 22/8/2025
2.44		29/08/2025	Sửa chữa bờ tả, mái tả kênh chính Đu Đủ	388.020.250	2002/QĐ-KTCTTL ngày 29/8/2025
2.45		29/08/2025	Sửa chữa kênh chính Tà Mon	44.969.020	2004/QĐ-KTCTTL ngày 29/8/2025
2.46		22/08/2025	Sửa chữa hàng rào hạ lưu đập chính hồ Tân Lập	85.395.471	1951/QĐ-KTCTTL ngày 22/8/2025
2.47		15/09/2025	Sửa chữa kênh tiếp nước Lòng Sông - Đá Bạc	252.062.184	2058/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
2.48		31/12/2025	Sửa chữa kênh C3, hồ Lòng Sông, xã Tuy Phong	128.723.570	3131/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
3	Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ vận tải Bách Khương		Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
3.1		31/12/2025	Sửa chữa các kênh: Tam Lang, Hàm Đức, hệ thống đập Giếng Chanh	45.968.058	3093/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
3.2		15/12/2025	Cắm mốc chỉ giới đường quản lý liên hồ Bông Dâu - hồ Thiêm - Găng Làng - Bà Niên	41.283.413	2878/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
3.3		15/12/2025	Sửa chữa mái tả kênh Trùng Găng, bầu Trùng Găng	45.944.976	2861/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
3.4		19/12/2025	Sửa chữa kênh Bọng Nhỏ, kênh Cút, hệ thống đập Ô Xuyên	59.417.792	2956/QĐ-KTCTTL ngày 19/12/2025
3.5		15/12/2025	Sửa chữa kênh T1, kênh chính Thôn 4, hồ Suối Đá	31.460.582	2884/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
3.6		15/12/2025	Sửa chữa hàng rào khuôn viên khu đầu mối hồ Suối Trâm	30.736.162	2860/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
3.7		15/12/2025	Sửa chữa cụm điều tiết Cà Na trên kênh chính hồ Thiềm	579.874.323	2866/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
3.8		15/12/2025	Sửa chữa cụm điều tiết khu tưới vùng 3, hồ Suối Đá	432.493.695	2873/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
3.9		15/12/2025	Sửa chữa kênh N27, hồ Sông Quao	784.597.086	2874/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
3.10		31/12/2025	Sửa chữa nhà quản lý hồ Sông Quao	87.948.533	3101/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
3.11		15/12/2025	Sửa chữa kênh chính Sông Quao	266.002.477	2877/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
3.12		31/12/2025	Sửa chữa bờ tả kênh N4, hồ Saloun	145.317.852	3099/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
3.13		31/12/2025	Sửa chữa công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác hồ Đaguiry	186.898.522	3106/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
3.14		31/12/2025	Sửa chữa các kênh: Dầu, Đại Đồn, Trại Lớn, Làng, Giang Mâu -Hồng Sơn, Châu Tá mới; Châu Tá cũ; Cây Liềm thuộc hệ thống kênh tiếp nước 812 - Châu Tá	342.244.881	3096/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
3.15		19/12/2025	Sửa chữa các kênh N9, N17, N23, N29 và Cụm điều tiết tại K1+730 trên kênh Bà Chi, hồ Sông Quao	150.833.369	2957/QĐ-KTCTTL ngày 19/12/2025
3.16		31/12/2025	Sửa chữa hàng rào, sân nền nhà Chi nhánh Hàm Thuận Bắc	906.863.787	3100/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4	Công ty TNHH tổng hợp Liên Sơn		Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
4.1		31/12/2025	Sửa chữa tràn xả lũ hồ Cẩm Hang	68.375.160	3135/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.2		31/12/2025	Sửa chữa nhà quản lý đập Châu Tá	174.172.072	3139/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.3		31/12/2025	Sửa chữa kênh dẫn vào bể hút trạm bơm cấp 2, tường chắn ngăn lũ trạm bơm cấp 1, trạm bơm Lê Hồng Phong, xã Lương Sơn	257.992.415	3132/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.4		15/12/2025	Sửa chữa cống lấy nước đầu mối hồ Trùng Giang, xã Hồng Sơn	355.219.113	2861/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025

TT	Tên tổ chức,cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
4.5		31/12/2025	Sửa chữa cửa cống tràn bên số 1 tại K0+000 (Đập Tà Mú) và bờ hữu kênh tưới Tà Mú - Suối Măng tại K1+510	310.035.985	3129/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.6		31/12/2025	Sửa chữa cửa cống lấy nước đầu kênh 812 – Châu Tá tại K0+000	47.713.977	3137/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.7		31/12/2025	Sửa chữa kênh chính hồ Sông Quao, xã Hàm Liêm	1.505.807.558	3128/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.8		31/12/2025	Sửa chữa mặt đập, mái hạ lưu đập đất, hồ Sông Lũy	336.684.804	3126/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.9		31/12/2025	Sửa chữa cống tiêu và kênh tiêu cầu Ông Vạt 2, trạm bơm Lê Hồng Phong, xã Lương Sơn	265.514.499	3125/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.10		31/12/2025	Sửa chữa cụm điều tiết tại K2+113 trên kênh chính đập Sông Khiêng	197.521.619	3118/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.11		15/12/2025	Sửa chữa nhà Chi nhánh Bắc Bình	422.578.404	2865/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
4.12		15/12/2025	Sửa chữa nhà quản lý đập Châu Tá	155.890.005	2869/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
4.13		31/12/2025	Sửa chữa cửa lấy nước đập 812	283.752.310	3116/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.14		31/12/2025	Sửa chữa bờ hữu kênh chính hồ Cà Giây	246.919.711	3090/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.15		19/12/2025	Sửa chữa rãnh thoát nước mái hạ lưu, kênh tiêu hạ lưu đập chính, đập phụ hồ Sông Lũy	209.687.876	2953/QĐ-KTCTTL ngày 19/12/2025
4.16		15/12/2025	Sửa chữa kênh Hoàn chỉnh Sông Lũy - Cà Giây	317.055.141	2883/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
4.17		31/12/2025	Sửa chữa bờ hữu kênh Ủy Thay -Đá Giá	315.044.238	3092/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
4.18		15/12/2025	Sửa chữa Cống qua khu tưới kênh Nam Tà Mú	239.513.086	2876/QĐ-KTCTTL ngày 15/12/2025
4.19		20/10/2025	Sửa chữa hàng rào, sân nền nhà quản lý hồ Cẩm Hang	867.114.064	3544/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
4.20		20/10/2025	Sửa chữa mái bảo vệ nhà trạm bơm cấp 1, trạm bơm Lê Hồng Phong	361.125.155	2342/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
4.21		01/10/2025	Sửa chữa công trình phụ trợ trạm quản lý Phan Lâm - Phan Sơn	144.971.332	2203/QĐ-KTCTTL ngày 01/10/2025

TT	Tên tổ chức,cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
4.22		01/10/2025	Sửa chữa đường vào nhà trạm bơm cấp 1, trạm bơm Lê Hồng Phong	274.700.624	2204/QĐ-KTCTTL ngày 01/10/2025
4.23		01/10/2025	Sửa chữa kênh D14-6, dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết	70.184.259	2202/QĐ-KTCTTL ngày 01/10/2025
4.24		15/09/2025	Sửa chữa mái tả kênh xả hạ lưu tràn xả sâu hồ Cà Giây	364.831.053	2056/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
4.25		15/09/2025	Sửa chữa cửa vào, cửa ra cống qua đường tại K0+245 trên kênh Tà Mú - Suối Măng	168.951.590	2065/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
4.26		15/09/2025	Sửa chữa kênh D8-20, dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết	227.966.119	2055/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
4.27		15/09/2025	Sửa chữa kênh chính đập Nha Mung	137.889.565	2062/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
4.28		15/09/2025	Sửa chữa kênh chính đập Chà Vầu	111.671.522	2064/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
4.29		15/09/2025	Sửa chữa kênh chính Tây, kênh chính Đông, đập Đồng Mới	267.222.924	2061/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
4.30		15/09/2025	Sửa chữa kênh chính đập É Chim	41.210.407	2053/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
4.31		15/09/2025	Sửa chữa kênh D2, dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết	66.447.133	2066/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
4.32		15/09/2025	Sửa chữa bể hút trạm bơm cấp 2, kênh chính Tây, trạm bơm Lê Hồng Phong	50.385.995	2054/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
5	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tiên Lộc		Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
5.1		31/12/2025	Sửa chữa mái tả kênh chính Sông Khán, hồ Sông khán	739.683.470	3107/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
5.2		31/12/2025	Sửa chữa kênh chính Đông, hồ Đaguiry	658.427.050	3097/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
5.3		20/10/2025	Sửa chữa kênh tiếp nước về đập Phú Hội	283.945.327	2340/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
5.4		20/10/2025	Sửa chữa cụm điều tiết tại K6+475, K7+100 trên kênh N3, hồ Sông Quao	265.676.527	2351/QĐ-KTCTTL ngày 20/10/2025
5.5		01/10/2025	Sửa chữa Xi phông số 13 tại K21+585 trên kênh	142.735.220	2201/QĐ-KTCTTL ngày

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
			chính Sông Quao		01/10/2025
5.6		15/09/2025	Sửa chữa kênh N15B, hồ Sông Quao	391.016.110	2052/QĐ-KTCTTL ngày 15/9/2025
6	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG		Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
6.1		31/12/2025	Bảo dưỡng sửa chữa thiết bị trạm bơm cấp 1 Lê Hồng Phong, xã Lương Sơn	415.270.541	3136/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
7	Công ty cổ phần Sông Hồng Sài Gòn		Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
7.1		31/12/2025	Sửa chữa thiết bị vận hành cửa tràn xả sâu hồ Cà Giây, xã Hải Ninh	274.377.364	3130/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
8	Công ty cổ phần năng lượng Song Thành		Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
8.1		31/12/2025	Sửa chữa đường điện phục vụ quản lý, khai thác đập 812	176.040.000	3115/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
9	Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Quốc Phú		Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
9.1		31/12/2025	Sửa chữa đường điện phục vụ quản lý, khai thác hồ Núi Đất	195.563.927	3098/QĐ-KTCTTL ngày 31/12/2025
10	CNMT-CT TNHH Tư vấn trường ĐH Thủy lợi	3683.09.06/2025/HĐ-GS, ngày 28/11/2025	Hợp đồng tư vấn của gói thầu số 06: Tư vấn giám sát khảo sát gói thầu số 03 thuộc dự án: Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du và lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Sông Dinh 3	16.000.000	2701/QĐ-KTCTTL ngày 25/11/2025
11	Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Thành Công	298/2025/HĐ-TVTTr ngày 29/8/2025	Hợp đồng: Tư vấn thẩm tra đề cương, dự toán, thuộc dự án: Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du và lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Sông Dinh 3	6.300.000	1971/QĐ-KTCTTL ngày 25/8/2025

TT	Tên tổ chức,cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
12	Công ty CP tư vấn và QLDA Việt Long				
13	Công ty TNHH Đại Thời Thuận	30/2025/HĐTV, ngày 15/10/2025	Hợp đồng tư vấn của Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn gói thầu số 03, thuộc dự án: Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du và lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Sông Dinh 3	5.400.000	2280/QĐ-KTCTTL ngày 13/10/2025
14	Công ty TNHH Đầu tư phát triển quốc tế Toàn Thắng	HĐ số 3683.07 /HĐTV-TLBT&TT; PLHĐ số 3683.07_01/2025/PLHĐ, ngày 26/02/2026	Hợp đồng tư vấn của Gói thầu số 03: Tư vấn Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du và lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Sông Dinh 3 , thuộc dự án: Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du và lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Sông Dinh 3	1.068.105.944	2693/QĐ-KTCTTL ngày 25/11/2025
15	Công ty TNHH Địa chất và Môi trường Bình Thuận		Hợp đồng tư vấn lập hồ xin cấp phép khai thác nước mặt		
15.1		HĐ số 12.04/2024/HĐTV-ĐCMT ngày 05/12/2024; PLHĐ số: 12.04_01/2025/PLHĐ-ĐCMT ngày 05/3/2025 và 12.04_02/2026/PLHĐ-ĐCMT ngày 19/6/2026	Hợp đồng tư vấn của gói thầu số 02: Tư vấn lập hồ sơ cấp phép khai thác nước mặt công trình đập dâng Sông Phan, huyện Hàm Tân, thuộc dự án đập dâng Sông Phan, huyện Hàm Tân	161.913.000	1811/QĐ-KTCTTL ngày 04/12/2024

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
15.2		HĐ số 12.06/2024/HĐTV-ĐCMT ký ngày 12/12/2024; PLHĐ số: 12.06_01/2025/PLHĐ-ĐCMT ngày 13/3/2025 và 12.06_02/2026/PLHĐ-ĐCMT ngày 21/5/2026	Hợp đồng tư vấn của Gói thầu số 02: Tư vấn Lập hồ sơ cấp phép khai thác nước mặt công trình hồ chứa nước Saloun, huyện Hàm Thuận Bắc, thuộc dự án hồ chứa nước Saloun, huyện Hàm Thuận Bắc	136.592.000	1846/QĐ-KTCTTL ngày 10/12/2024
15.3		06.06/2025/HĐTV-ĐCMT ngày 26/6/2025			
15.4		06.05/2025/HĐTV-ĐCMT, ngày 26/6/2025	Hợp đồng tư vấn của gói thầu số 02: Tư vấn lập hồ sơ cấp phép khai thác nước mặt công trình hồ chứa nước Suối Đá, huyện Hàm Thuận Bắc, thuộc dự án hồ chứa nước Suối Đá, huyện Hàm Thuận Bắc	150.599.402	1469/QĐ-KTCTTL ngày 20/6/2025
16	Công ty TNHH Sam BT	3683.04/2025/HĐĐT-SAM, ngày 15/10/2025	Hợp đồng tư vấn của Gói thầu số 04: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn gói thầu số 03, thuộc dự án: Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du và lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Sông Dinh 3	9.120.000	2279/QĐ-KTCTTL ngày 13/10/2025
17	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng tổng hợp Phương Việt				
18	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Lâm Đồng	04/2025/HĐDV ngày 13/01/2025	Hợp đồng lấy và phân tích mẫu nước mặt (hồ Tân Lập, Núi Đất, Cẩm Hang)	2.457.000	

TT	Tên tổ chức,cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
19	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng	3682.02/2025/HĐTV-TTQT ngày 20/10/2025	Hợp đồng tư vấn của Gói thầu số 02: Tư vấn lập hồ sơ cấp phép khai thác nước mặt công trình hồ chứa nước Đaguiry, thuộc dự án hồ chứa nước Đaguiry	149.200.000	2310/QĐ-KTCTTL ngày 16/10/2025
20	Viện Công nghệ Tài nguyên nước và Môi trường	3683.01/2025/HĐTV-VCN ngày 29/08/2025	Hợp đồng Tư vấn lập đề cương, dự toán Dự án: “Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du và lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Sông Dinh 3”	9.790.000	1970/QĐ-KTCTTL ngày 25/8/2025

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tổng số lao động của doanh nghiệp thời điểm 31/12/2025: 583 người.
Trong đó:
 - + Người lao động : 577 người;
 - + Người quản lý doanh nghiệp : 5 người;
 - + Kiểm soát viên : 1 người.
- Mức lương bình quân của người lao động: 10.723.153 đồng/tháng.
- Tiền thưởng, thu nhập khác của người lao động: 216 triệu đồng
 - + Tập thể lao động tiên tiến năm 2025: 28 triệu đồng
 - + Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2025: 87 triệu đồng
 - + Lao động tiên tiến năm 2025: 101 triệu đồng